

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20- 4-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Đào.

2. Bà Lâm Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 407/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hứa Văn C, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2020, và các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Đ trình bày như sau:

Chị Lê Thị Hồng Đ và anh Hứa Văn C hai người xây dựng hôn nhân vào năm 2007 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện huyện T,

tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 15 tháng 6 năm 2009.

Thời gian chung sống chị Lê Thị Hồng Đ và anh Hứa Văn C có sinh một người con chung là cháu Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2007. Hiện con đang sống với chị Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác nhận không có.

Chị Lê Thị Hồng Đ cho rằng trong thời gian chung sống giữa chị và anh Hứa Văn C luôn bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, quan điểm không tương đồng, về nguyên nhân chị Đ cho rằng do anh C thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và anh C dùng vũ lực đối với chị Đ nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay và từ khi ly thân đến nay thì hai người cũng không có biện pháp gì hàn gắn lại, chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Hồng Đ yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Văn C. Khi ly hôn, về con chung chị Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm nom, chăm sóc giáo dục con chung Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2008 đến tuổi trưởng thành và chị không yêu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị Đ xác nhận không có.

Theo bị đơn anh Hứa Văn C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2021 như sau: Anh Hứa Văn C cũng thừa nhận rằng trong quá trình sống chung anh cũng có thường xuyên uống rượu và cũng có đánh vợ, trong cuộc sống vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn với nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay vợ anh yêu ly hôn anh không đồng ý mà yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ trở lại. nếu trường hợp có căn cứ chấp nhận cho vợ anh ly hôn thì anh đồng ý giao con chung Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2008 cho vợ anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh C xác định không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều

271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng Đ được quyền ly hôn với anh Hứa Văn C.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hồng Điễm được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2008 đến đủ 18 tuổi. Anh C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh C xác định không có.

Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Hồng Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Hứa Văn C và hiện nay anh C cư trú tại ấp H, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho anh Hứa Văn C, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh Hứa Văn C vắng mặt và nguyên đơn cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Hứa Văn C và chị Lê Thị Hồng Đ.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Hồng Đ và anh Hứa Văn C hai người xây dựng hôn nhân vào năm 2007 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 15 tháng 6 năm 2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Đ và anh C hai người sống hạnh phúc, vợ chồng tạo sinh con cái, chung lo làm ăn ổn định cuộc sống gia đình, nhưng xét thấy sự hạnh phúc ấy tồn tại với vợ chồng anh chị không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gia đình do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do anh C thiếu quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình thường xuyên uống rượu và hành hung đối với chị Đ, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt dẫn đến hai người không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa và chị Đ, anh C hai người sống ly thân từ năm 2013 đến nay và cũng không có biện pháp hàn gắn lại. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chị Đ và anh

C sống ly thân đến nay khá lâu, về mặt tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên việc chị Đ yêu cầu ly hôn đối với anh C là cần thiết. Đối với anh C không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Đ và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ trở lại nhưng trong quá trình hòa giải hàn gắn hôn nhân cho anh chị thì chị Đ vẫn cương quyết ly hôn đối với anh C do đó nếu tiếp tục hàn gắn cho anh chị ở lại thì tương lai không đảm bảo hạnh phúc mà còn kéo dài sự đau khổ cho đôi bên, nên đối với yêu cầu vợ chồng hàn gắn lại của anh C không được Tòa chấp nhận. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng Đ đối với anh Hứa Văn C là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2008 hiện cháu M đang sống với chị Đ, chị Đ yêu cầu tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến trưởng thành và anh C cũng đồng ý giao con cho chị Đ nuôi nếu có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ. Xét thấy hiện nay cháu M đang sống với chị Đ từ khi chị Đ và anh C sống ly thân đến nay và lời khai của cháu M trong biên bản hòa giải ngày 22/01/2021 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn, do đó xét về mặt tình cảm của cháu M có phần gần bó với chị Đ nhiều hơn nên việc chị Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con là phù hợp. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Lê Thị Hồng Đ, giao cho chị Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2008, thời gian kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là có căn cứ đúng pháp luật.

Anh Hứa Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lê Thị Hồng Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng Đ và anh Hứa Văn C xác định không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Hồng Đ phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[8] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, và các Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng Đ đối với anh Hứa Văn C. Chị Lê Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Hứa Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Hứa Thị Như M, sinh ngày 28/12/2008, thời gian kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Hứa Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lê Thị Hồng Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Lê Thị Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007461 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Dương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

